

ĐẶC ĐIỂM ĐỊNH DANH CỦA TỪ CHỈ TÊN GỌI TÔM CÁ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trần Hoàng Anh^{1*} và Đặng Thanh Hải²

¹Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: tranhoanganh678@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 22/4/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 12/5/2021; Ngày duyệt đăng: 27/5/2021

Tóm tắt

Bài viết tập trung miêu tả, phân tích đặc điểm định danh của lớp từ chỉ tên gọi tôm cá vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Qua thống kê, miêu tả, phân tích, chúng tôi chỉ ra đặc điểm định danh của lớp từ này. Trên cơ sở đó, bài viết khái quát các đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa biểu hiện qua đặc điểm định danh tên gọi tôm cá vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời cũng góp phần làm rõ thêm đôi nét về văn hóa - ngôn ngữ của cư dân nghề cá nơi đây.

Từ khóa: Định danh, Đồng bằng sông Cửu Long, ngôn ngữ và văn hóa, tên gọi tôm cá.

THE IDENTIFIERS OF THE CLASS NAMES INDICATING FISH AND SHRIMPS IN THE MEKONG DELTA

Tran Hoang Anh^{1*} and Dang Thanh Hai²

¹Department of Primary - Nursery Teacher Education, Dong Thap University, Vietnam

²Office of Science and Technology, Dong Thap University, Vietnam

*Corresponding author: tranhoanganh678@gmail.com

Article history

Received: 22/4/2021; Received in revised form: 12/5/2021; Accepted: 27/5/2021

Abstract

The article focuses on describing and analyzing the identifiers of the class names indicating fish and shrimps in the Mekong River Delta. Through statistics, description and analysis, this article pinpoints the identifiers of this word class. On that basis, the article outlines the linguistic and cultural features expressed through the basis and the structure of naming fish in the Mekong Delta, contributing to clarifying some cultural features - the language of the fishermen here.

Keywords: Identification, language and culture, Mekong River Delta, name of shrimp and fish.

1. Đặt vấn đề

Có thể nói, định danh là một nhu cầu của ngôn ngữ và cũng là nhu cầu của con người trong việc nhận thức thế giới khách quan: “Con người cần đến các tên gọi các đối tượng xung quanh như cần đến không khí” (Đỗ, 1998, tr. 167). Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* thì định danh là “Sự cấu tạo các đơn vị ngôn ngữ có chức năng dùng để gọi tên, chia tách các đoạn của hiện thực khách quan, trên cơ sở đó hình thành những khái niệm tương ứng về chúng dưới dạng các từ, cụm từ, ngữ cú và câu” (Nguyễn, 1996, tr. 89). Thế giới khách quan có vô vàn các sự vật, hiện tượng mà con người cần gọi tên. Trước đối tượng định danh, chủ thể định danh cần chọn một đặc trưng mang tính bản chất, dễ nhận diện của đối tượng để làm cơ sở định danh. Mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng người thuộc vùng miền khác nhau có những cách định danh khác nhau. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất có nguồn lợi thủy

sản phong phú. Tôm cá là động vật gần gũi với đời sống con người nơi đây. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu đặc điểm định danh của lớp từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL nhằm thấy được sự phong phú, đa dạng các kiểu định danh, sự độc đáo về mặt ngữ nghĩa cũng như sắc thái văn hóa vùng phương ngữ biểu hiện qua lớp từ này.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở định danh và các kiểu định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL

2.1.1. Cơ sở định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL

Tiến hành khảo sát, phân loại 816 tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL thu thập được, chúng tôi đã xác định được 14 cơ sở định danh dựa trên các đặc trưng khác nhau để biểu đạt thành 13 kiểu định danh cụ thể và 01 kiểu định danh chưa rõ lí do. Kết quả thống kê cụ thể được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 1. Các cơ sở định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL

TT	Cơ sở định danh	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Hình dáng	342	41,91
2	Màu sắc	195	23,90
3	Môi trường, ngư trường	48	5,88
4	Cấu tạo của đối tượng	35	4,29
5	Tính chất, trạng thái	30	3,68
6	Thời kì sinh trưởng	27	3,31
7	Kích thước	21	2,57
8	Đặc tính	21	2,57
9	Nguồn gốc	18	2,21
10	Cách thức, phương thức	6	0,74
11	Công dụng, chức năng	4	0,49
12	Tín ngưỡng	4	0,49
13	Giống loài	3	0,37
14	Định danh chưa rõ lí do	62	7,60
Tổng cộng		816	100

2.1.2. Các kiểu định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL

Kiểu 1. Định danh theo hình dáng

Đây là kiểu định danh phổ biến nhất trong các kiểu định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL. Trong 816 đơn vị khảo sát, chúng tôi thống kê được 342 đơn vị (chiếm 41,91%) định danh theo kiểu này. Ví dụ: *cá ông lão* (lưng cong, hàm trên nhô ra, hàm dưới thụt vào như mồm ông lão), *cá xà* (loại cá giống như rắn, có râu, không vây, có thể cắn người làm cho ngứa mê), *cá mặt quỷ* (hình thức đầu - mặt xấu xí giống mặt quỷ), *cá hàm éch* (miệng giống với miệng

ếch), *cá kìm* (loại cá thân tròn, không vây, ở đầu mở có hình kim nhọn dài)...

Ngư dân nghề cá vùng ĐBSCL chọn cách định danh này như là một ưu tiên mang tính tất yếu. Đối tượng được định danh theo đặc điểm hình dáng quen thuộc nên mọi người rất dễ hình dung, dễ phân biệt.

Kiểu 2. Định danh theo màu sắc

Kiểu định danh này có 195 đơn vị (chiếm 23,90%). Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy ngư dân vùng ĐBSCL thường dùng các màu như đỏ, đen, trắng, vàng, xanh... để phân biệt các loại tôm cá trong một loài. Ví dụ:

Cá ba kỳ đỏ: Loại cá ba kỳ có vây kỳ màu đỏ
Cá ba kỳ trắng: Loại cá ba kỳ có vây kỳ màu trắng.
Tôm càng xanh: Tôm càng có vỏ dày màu xanh đậm.

Tôm bạc nghệ: Vỏ mỏng, thân màu vàng nhạt, viền chân bơi và chỉ đuôi màu hồng.

Kiểu 3. Định danh theo môi trường, ngư trường

Đây là cách định danh nhằm gọi tên đối tượng theo môi trường sinh sống hoặc ngư trường của hoạt động đánh bắt. Có 48/816 đơn vị (chiếm 5,88%) định danh theo kiểu này. Ví dụ:

Cá chạch đất: Loại cá chạch sống dưới bùn đất ở đáy sông.

Cá sông: Các loại cá được đánh bắt dưới sông.

Cá lóc đồng: Loại cá lóc sống tự nhiên ở đồng ngập nước, đìa,...

Tôm đá: Loại tôm chuyên sống trong các hốc đá.

Một số trường hợp tương tự: *cá đồng, cá bè, cá lồng, cá đìa, cá chạch bùn, tôm đất...*

Kiểu 4. Định danh theo cấu tạo của đối tượng

Có tất cả 35/816 đơn vị (chiếm 4,29%) định danh theo cấu tạo của đối tượng. Ví dụ: *cá ba kì, cá ba đuôi, cá ba lưỡi, cá ba rọi,...*

Cá ba kì: Thân dài, dẹp bên, vây tròn phủ khắp thân, đầu không có vây. Các vây hậu môn, vây lưng, vây đuôi có màu đỏ giống ba lá cờ.

Cá ba lưỡi: Loại cá phần miệng có ba sợi râu giống như ba cái lưỡi.

Tôm trứng: Loại tôm có vỏ màu trắng đục, có nhiều trứng.

Kiểu 5. Định danh theo tính chất, trạng thái

Đây là kiểu định danh dựa vào tính chất, trạng thái nổi bật nào đó của đối tượng. Có 30/816 đơn vị (chiếm 3,68%) định danh theo cách này. Ví dụ:

Cá búng: Chỉ chung các loại cá đã chết nổi, phình bụng to, thân cá đã nhão, có mùi thum thum.

Cá ươn: Cá để lâu đã chuyển mùi, có mùi hôi.

Khô tôm: Các loại tôm được làm sạch, tẩm gia vị rồi phơi hoặc sấy khô.

Kiểu 6. Định danh theo thời kì sinh trưởng

Chúng tôi thống kê có 27/816 đơn vị (chiếm 3,31%) định danh theo thời kỳ sinh trưởng. Ngư dân vùng ĐBSCL không dùng lại tên gọi chung của một loài mà trong ý niệm của họ phân ra nhiều giai đoạn, nhiều thời kì sinh trưởng khác nhau của cùng một đối tượng.

Ví dụ: Cùng một loài *cá lóc* nhưng qua các thời kì sinh trưởng khác nhau thì ngư dân vùng ĐBSCL lại có các tên gọi khác nhau từ nhỏ đến lớn: *cá lòng vòng (cá rông rông), cá lóc cọt, cá lóc cứng, cá lóc cối.*

- Cá lòng vòng: Cá lóc con, có màu đỏ, bơi lòng vòng thành đàn.

- Cá lóc cọt: Cá lóc đã qua giai đoạn lòng vòng, không cần cá mẹ giữ, lớn khoảng ngón tay cái.

- Cá lóc cứng: Cá lóc đã qua giai đoạn cá lóc cọt, to khoảng cườm tay con nít.

- Cá lóc cối: Cá ở thời kỳ phát triển cao nhất, to nhất.

Hay như cá tra có các tên gọi từ nhỏ đến lớn: *cá tra bột, cá hương, cá phân, cá lúra, cá thị.* Một số loài khác như *cá linh, cá rô, cá com...* cũng có kiểu định danh này.

Kiểu 7. Định danh theo kích thước

Trong quá trình gọi tên tôm cá, ngư dân vùng ĐBSCL cũng chọn kích thước làm cơ sở để định danh. Cách định danh này chẳng những giúp chúng ta tưởng tượng ra loài cá được nhắc đến mà còn góp phần khu biệt từng đối tượng. Ví dụ:

Cá bỏi: Cá trắng nhỏ hoặc cá vụn, lí nhí.

Cá com: Tên gọi chung cho các loại cá com, loại cá nhỏ, có màu trắng đục như hạt com. Loại cá này có giống có thể sống ở vùng nước lợ.

Cá bột: Cá mới nở.

Kiểu 8. Định danh theo đặc tính

Có 21/816 đơn vị (chiếm 2,57%) định danh theo đặc tính. Động vật nói chung, các loài tôm cá nói riêng, ngoài những đặc trưng dễ nhận biết như hình dáng, màu sắc thì có những loài có đặc tính riêng biệt nào đó. Ví dụ:

Cá đùng đình: Loại cá nhỏ, quá trình bơi của nó không liên tục, di chuyển không đều, da trơn, đầu nhỏ, bụng hơi xĩa ra.

Cá lao (lau) kiếng: Loại cá có hàm răng mềm như bàn chải, khi nuôi trong bồn thì nó áp miệng vào tấm kính để ăn rong và cặn, đồng thời làm kính sạch như lau.

Cá bác sĩ: Loại cá nhỏ, chuyên rửa các tế bào chết.

Kiểu 9. Định danh theo nguồn gốc

Có 18/816 đơn vị định danh theo kiểu này, chiếm 2,21%. Đó là:

Cá bảy màu Xiêm: Loại cá bảy màu có đuôi tròn, nhỏ, có nguồn gốc từ Xiêm.

Cá nóc Đông Dương: Loại cá nóc có màu nâu vàng, giống như bức tường bị nứt nẻ, sinh sống chủ yếu ở ba nước Đông Dương.

Cá chép Ấn Độ: Từ chỉ loài cá nước ngọt, gần giống với cá chép, to hơn cá chép, vây viền đỏ, vây màu trắng sữa đốm đỏ, có nguồn gốc từ Ấn Độ.

Một số ví dụ khác: *cá nóc cam pót, cá sát xiêm, cá rồng châu úc, cá sơn xiêm, cá xiêm, cá ẩn độ, cá chép nhựt (Nhật)*.

Đây là kiểu định danh mà qua tên gọi, nguồn gốc của đối tượng được ghi nhận trở thành nét khu biệt khi định danh.

Kiểu 10. Định danh chưa rõ lí do

Trong số 816 từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL mà chúng tôi khảo sát, bên cạnh các đơn vị định danh đã rõ lí do (xác định được cơ sở định danh) có 62 đơn vị (chiếm 7,60%) chưa tìm được lí do của tên gọi (chưa xác định được cơ sở định danh). Ví dụ: *cá, tôm, cá bóng, cá rô, cá chày, cá nàng hai, cá chạch, cá lịch, cá ngát, cá tra, cá dồ, tôm he, tôm ket, tôm bộp...*

Những tên gọi trên ban đầu có thể có cơ sở định danh nào đó. Tuy nhiên, do từ được dùng từ quá xa xưa, không còn ai biết lý do tên gọi nữa, chỉ sử dụng theo thói quen, theo sự chỉ dẫn của người đi trước. Chúng tôi đã thử tìm hiểu nhiều người có tuổi và có kinh nghiệm trong nghề cá nhưng họ cũng không rõ. Vì vậy, chúng tôi xếp chúng vào kiểu định danh chưa rõ lí do.

Kiểu 11. Các kiểu định danh khác

Ngoài các kiểu định danh phổ biến trên, lớp từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL vẫn còn một số kiểu định danh nhưng có số lượng từ tương đối ít, đó là:

- Định danh theo cách thức, phương thức có 6 đơn vị, chiếm 0,74% (gồm: *cá giống, cá chà, cá nuôi, tôm nuôi, cá bè, cá hãm cầu*).

- Định danh theo công dụng, chức năng có 4 đơn vị, chiếm 2,21% (bao gồm: *cá môi, cá thịt, cá giống, cá mắm*).

- Định danh theo tín ngưỡng có 4 đơn vị, chiếm 0,49% (bao gồm: *cá ông tiên, cá ông nước, cá nước, cá linh*).

- Định danh theo giống loài có 3 đơn vị, chiếm 0,37% (gồm: *cá bố, tôm tép, cá bố mẹ*).

2.1.3. Nhận xét

Thống kê và phân tích cho thấy cơ sở để định danh tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL rất đa dạng, trong đó, cách định danh theo hình dáng chiếm số lượng nhiều nhất (342/816 từ, chiếm 41,91%), kế đến là định danh theo màu sắc (195/816 từ, chiếm 23,90%). Tôm cá là động vật sống dưới nước nên để dễ nhận diện, yếu tố phân biệt được lựa chọn để kết hợp với “cá” trước hết là yếu tố “hình dáng”, “màu sắc” rồi mới đến các yếu tố khác. Sở dĩ những đặc trưng về “hình dáng”, “màu sắc” luôn được chú ý đầu tiên, bởi vì, đó là những dấu hiệu dễ nhận thấy nhất bằng tri giác, những đặc trưng “đập vào mắt” của chủ thể định danh. Chẳng hạn, người dân ĐBSCL định danh một

loại cá là *cá lười trâu* vì họ dựa vào đặc điểm của loại cá này là chúng có thân dẹt và nhỏ dần về phía đuôi trông giống chiếc lưỡi của con trâu nên mới gọi là *cá lười trâu*. Do đó, lưỡi trâu là yếu tố chuẩn để phân biệt. Trong khi đó ngôn ngữ toàn dân lại gọi nó là *cá thồn bon*. Đối với trường hợp *tôm càng xanh*, người dân khi định danh lại dựa vào màu sắc. Người dân nơi đây gọi là *tôm càng xanh* để phân biệt với *tôm càng bình thường*. Khi đặt tên *tôm càng xanh*, họ đã căn cứ vào màu sắc của nó là loại tôm càng có vỏ dày màu xanh đậm. Ngược lại, số lượng tên gọi dựa vào các đặc trưng như cách thức, phương thức, công dụng chức năng, tín ngưỡng, giống loài... khi định danh lại có số lượng rất ít (*công dụng: 4/816 đơn vị, tín ngưỡng: 4/814 đơn vị, giống loài: 3/816 đơn vị, ...*). Các đặc trưng này vừa không mang tính trực quan tác động đến giác quan lại vừa không thường gặp nên ít được lựa chọn khi định danh. Những đặc trưng về cấu tạo, môi trường, ngư trường, tính chất trạng thái, thời kì sinh trưởng, kích thước, đặc tính, nguồn gốc được người dân vùng ĐBSCL lựa chọn để gọi tên các loài tôm cá khá phổ biến (định danh theo môi trường, ngư trường có 48/816 đơn vị, chiếm 5,88%; định danh theo cấu tạo của đối tượng 35/816 đơn vị, chiếm 4,29%; định danh theo tính chất, trạng thái có 30/816 đơn vị, chiếm 3,68%; định danh theo thời kì sinh trưởng có 27/816 đơn vị, chiếm 3,31%; định danh theo kích thước có 21/816 đơn vị, chiếm 2,57%...). Đây là những dấu hiệu thường thấy, thường gặp của đối tượng được định danh và con người khi gọi tên sẽ dựa vào những dấu hiệu đó. Các dấu hiệu định danh được lựa chọn đó cho thấy thói quen tư duy, nhận thức về nghề và cách ứng xử của con người với thiên nhiên sông nước. Lối định danh miêu tả, lựa chọn các đặc điểm dễ thấy vừa thể hiện tính chất gần gũi, dễ hiểu, vừa thể hiện tính chuyên môn nghề nghiệp rất cao. Cách phân loại đối tượng thành các cá thể loài để định danh theo những đặc trưng khác nhau không những cho thấy sự gắn bó mật thiết với nghề mà còn thể hiện lối tư duy phân tích của chủ nhân nghề cá.

2.2. Cấu trúc định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL

2.2.1. Mô hình cấu trúc định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL

Khi khảo sát cấu trúc định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL, chúng tôi thấy rằng các từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL được định danh theo kết cấu một yếu tố (X - đơn vị định danh gốc) hoặc hai yếu tố (XY - đơn vị định danh phái sinh); trong đó yếu tố X đóng vai trò là yếu tố chỉ loại, yếu tố Y có tác dụng phân biệt, khu biệt. Có thể hình dung mô hình cấu trúc định danh như sau:

Bảng 2. Mô hình cấu trúc định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL

Yếu tố chỉ loại (X)	Yếu tố phân biệt (Y)		
	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Cá	Rô		
Cá	Rô	mề	
Cá	Rô	đầu	Nhím
Tôm	thê		
Tôm	thê	bạc	
Tôm	thê	chân	trắng

2.2.2. Các kiểu cấu trúc định danh của từ chỉ tên gọi cá vùng ĐBSCL

Qua quá trình khảo sát, phân loại từ chỉ tên gọi tôm cá ở ĐBSCL, chúng tôi đã thống kê được các kiểu cấu trúc định danh như sau:

Bảng 3. Bảng số lượng và tỷ lệ các kiểu cấu trúc định danh của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL

Các kiểu cấu trúc định danh	Số lượng (từ)				Tỷ lệ (%)
X	7				0,86
XY	809				
	Bậc 1		Bậc 2		Bậc 3
	670	82,11%	120	14,71%	19 2,33%
Tổng số	816				100

Bảng khảo sát trên cho chúng ta thấy từ chỉ tên gọi cá vùng ĐBSCL chủ yếu định danh theo kết cấu hai yếu tố XY (809/816 đơn vị, chiếm 99,14%), định danh theo kết cấu một yếu tố X là những từ chỉ tên gọi khái quát (Ví dụ: *tôm, cá, bống, rô...*). Như vậy, đại bộ phận từ chỉ tên gọi tôm cá ở đây là từ ghép phân nghĩa. Do đặc điểm cấu tạo, nhờ vào vai trò tạo nghĩa của yếu tố phân loại (Y) mà nghĩa của từ mang tính cá thể, cụ thể, nghĩa biệt loại.

Trong cấu trúc định danh theo kết cấu hai yếu tố XY, yếu tố phân loại (Y) của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL được phân biệt qua ba bậc định danh. Yếu tố phân biệt (Y) bậc 1 thường dùng để phân biệt các loại tôm cá ở mức độ loại, nghĩa là phân biệt các loài cá khác loài với nhau, ví dụ: *cá tra, cá rô, cá lóc, tôm càng, tôm thẻ, tôm hùm...*; Yếu tố phân biệt (Y) bậc 2, bậc 3 dùng để phân biệt các loài tôm cá cùng một loài với nhau, ví dụ: *cá tra/cá tra bè/cá tra bệt, cá tra nghệ/cá tra lưng gù/cá tra rụng kìa; cá com/cá com sông/cá com biển; cá com huyết/ cá com phần chì/ cá com sọc tiêu; tôm/ tôm bạc gân/tôm bạc nghệ/ tôm bạc thẻ; tôm/ tôm sắt/tôm sắt đen/tôm sắt hoa...* Trong các dạng cấu trúc định danh trên thì dạng cấu trúc mà yếu tố phân biệt (Y) ở bậc 1 chiếm số lượng nhiều nhất (670/816 từ, chiếm 82,11%), yếu tố phân biệt (Y) ở bậc 2, bậc 3 chiếm tỷ lệ ít hơn (lần lượt là 14,71% và 2,33%). Điều này cho thấy, tôm cá vùng

ĐBSCL có số lượng loài rất lớn và để phân biệt rõ các loài tôm cá với nhau, họ đã gọi tên chúng từ đặc điểm khái quát đến khu biệt từng yếu tố. Trong tâm thức văn hóa của mình, cư dân vùng ĐBSCL không dừng lại ở tên gọi tôm cá chung chung mà trong ý niệm của họ có sự phân biệt rõ ràng thành nhiều loài nên mới có nhiều tên gọi khác nhau. Ngay trong một loài, cách gọi tên cũng mang tính khu biệt rất rõ. Chẳng hạn, cùng một đối tượng *cá lòng tong*, ở ĐBSCL có đến 10 tên gọi khác nhau để gọi tên khu biệt 10 tiểu loại cá lòng tong khác nhau như: *cá lòng tong bay, cá lòng tong đá, cá lòng tong vạch, cá lòng tong kẻ, cá lòng tong lưng thấp, cá lòng tong mại, cá lòng tong mương, cá lòng tong sắt, cá lòng tong sợi, cá lòng tong sọc*. Trong khi đó, ngôn ngữ toàn dân chỉ có 1 từ là *cá lòng tong* (cá nước ngọt, sông thành đàn, cùng họ với cá chép, cỡ nhỏ, thân dẹp) (Hoàng, 2010, tr. 137), còn trong *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh* (Nguyễn, 1999) lại không có từ nào chỉ tên gọi loại cá này. Hoặc đối với loài cá chỉ có ở ĐBSCL (nhiều vùng khác không có), ngoài tên gọi chung có ý nghĩa chỉ loài cá linh, còn có 10 tên gọi khác về 10 tiểu loại khác nhau của loài cá này: *cá linh cá, cá linh chuỗi, cá linh đầu dò, cá linh đầu nhím, cá linh gió, cá linh mang đỏ, cá linh non, cá linh ống, cá linh dây/gây (rây), cá linh địa/ghìa (rià)*.

Đặc biệt, xét về cấu trúc định danh, chúng tôi

thấy có 12/816 đơn vị có sự kết hợp khá đặc biệt, mang đặc trưng riêng của phương ngữ Nam Bộ nói chung và ĐBSCL nói riêng. Cụ thể, đó là các tên gọi: *khô cá, khô cá bóng, khô cá com, khô cá điều hồng, khô cá đuối, khô cá kèo, khô cá kết, khô cá lóc, khô cá sặt, khô cá trê, khô cá tra, khô tôm*. Theo đó, các yếu tố này kết hợp với nhau theo trật tự ngược (thành tố phân loại đứng trước, thành tố chỉ loại đứng sau). Thực ra, yếu tố chỉ tính chất (khô) lúc này đã được danh từ hóa và trở thành yếu tố đóng vai trò chỉ loại. Cách gọi theo mô hình *Khô + cá Y/ Khô + tôm ở ĐBSCL* đã trở thành tên gọi một loại cá dùng để làm món ăn, món khô.

Từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL cũng có sự kết hợp và phân bậc trong khi định danh. Khi định danh, chủ thể định danh lựa chọn không chỉ một đặc trưng mà có thể lựa chọn hai, thậm chí ba đặc trưng của đối tượng để gọi tên. Cho nên, việc nhận diện các đối tượng được gọi tên dễ dàng hơn, chính xác hơn. Đặc điểm định danh này thể hiện qua các kiểu cấu trúc định danh sau:

- Kiểu định danh có một đặc trưng (X): có 07 đơn vị, chiếm 0,86%. Ví dụ: *tôm, cá, rô...*

- Kiểu định danh có hai đặc trưng (XY - Bậc 1): có 670 đơn vị, chiếm 82,11%. Ví dụ: *cá com, cá chạch, cá kìm, tôm thẻ, tôm càng...*

- Kiểu định danh có ba đặc trưng (XY - Bậc 2): có 120 đơn vị, chiếm 14,71%. Ví dụ: *cá bạc má, cá chình hoa, cá lóc đồng, cá sặc bươm, cá bơn đầu chám, tôm bạc nghệ, tôm càng xanh, tôm sặt đen, tôm hùm đá...*

- Kiểu định danh có bốn đặc trưng (XY - Bậc 3): có 19 đơn vị, chiếm 2,33%. Ví dụ: *cá đuối bóng hoa gai, cá bóng xệ vảy lớn, cá bóng xệ vảy nhỏ, tôm thẻ chân trắng,...*

Nghĩa là, trong quá trình tri nhận và định danh, cư dân vùng ĐBSCL dựa trên đặc trưng cơ bản nhất của đối tượng (theo cách tri nhận của họ) để gọi tên và khi cần khu biệt đối tượng, họ cùng một lúc có thể chọn thêm nhiều đặc điểm khác để đặt tên cho nó. Số lượng lớn của lớp từ chỉ tên gọi tôm cá (816 đơn vị) không chỉ phản ánh sự phong phú về số lượng các loài tôm cá mà còn thể hiện dấu ấn văn hóa của vùng đất qua tên gọi và cách gọi tên tôm cá nơi đây. Bảng lối định danh cụ thể, giản dị đầy tính trực cảm, cư dân vùng ĐBSCL đã dựa vào những đặc trưng quen thuộc gần gũi, dễ thấy để gọi tên đối tượng. Nói đúng hơn, họ đã xoay đối tượng định danh về phía mình nhiều lần: lần đầu để có tên gọi bậc 1, lần

hai, lần ba để có tên gọi bậc 2, bậc 3 (khi cần phân biệt nhỏ hơn). Điều này góp phần giải thích tại sao cấu tạo của từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL phần đa là từ ghép phân nghĩa và cư dân vùng đất này ưu tiên dùng kiểu định danh cụ thể, biệt loại hơn là kiểu định danh mang tính khái quát, tổng hợp. Nói cách khác, trong định danh tôm cá, người làm nghề luôn chú trọng tư duy phân tích, cụ thể hóa hơn là tư duy tổng hợp, khái quát.

3. Kết luận

Nghiên cứu đặc điểm định danh tôm cá như trên, chúng ta thấy từ chỉ tên gọi tôm cá vùng ĐBSCL có cơ sở định danh và cấu trúc định danh đa dạng theo hướng chi tiết hóa, cá biệt hóa đối tượng. Đặc điểm định danh đó không chỉ phản ánh thực tế phong phú của đối tượng, mà còn cho thấy đặc điểm tư duy, cách quan sát tỉ mỉ, cụ thể, tinh tường của chủ nhân đặt tên gọi đó. Đằng sau tên gọi đó là sự ẩn chứa thói quen, cách nhìn nhận sự vật, nếp tư duy mang tính cụ thể của người dân Nam Bộ nói chung và ĐBSCL nói riêng. Sự đa dạng, phong phú của các tên gọi tôm cá như trên cho ta thấy tôm cá chiếm một vị trí rất quan trọng trong đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của cư dân ĐBSCL.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ, H. C. (1998). *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Hoàng, P. (Chủ biên). (2010). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
- Huỳnh, C. T. (2009). *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn, N. B. (Chủ biên), Phan, M. C., Hoàng, T. C., & Nguyễn, H. N. . (1999). *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Nguyễn, N. Y. (Chủ biên). (1996). *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Trần, H. A. (2014). Lóp từ chỉ tên gọi cá ở Đồng Tháp Mười nhìn từ góc độ định danh. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 08, 55-62.
- Trần, N. T. (2013). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn hóa - Văn nghệ.
- Trần, T. N. L. (1995). *Phương ngữ Nam Bộ - Những khác biệt về từ vựng ngữ nghĩa so với phương ngữ Bắc Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học Xã hội.